

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82 /QĐ-UBND

Đồng Phú, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án và quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 07/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BNV ngày 03/01/2020 của Bộ Nội vụ về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp tỉnh Bình Phước đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 03/8/2013 của UBND huyện Đồng Phú về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thuận

Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2021 của HĐND xã Thuận Lợi về việc thông qua đề án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Lợi;

Căn cứ Thông báo số 171-TB/HU ngày 22/3/2021 của Huyện ủy kết luận tại cuộc họp Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 22, 23 khóa XII (ngày 12 và ngày 15/3/2021);

Căn cứ Công văn số 33/SXD-QLN.QH ngày 07/01/2021 của Sở Xây dựng về việc góp ý hồ sơ các xã quy hoạch nông thôn mới huyện Đồng Phú;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 595/TTr-KTHT ngày 14/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Lợi, với các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Vị trí lập quy hoạch: Khu đất lập quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, vị trí tứ cận như sau:

- Ranh giới khu đất được xác định như sau:

+ Phía Đông: Giáp xã Đồng Tiến và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú.

+ Phía Tây: Giáp xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, xã Long Tân, huyện Phú Riềng.

+ Phía Nam: Giáp xã Thuận Phú.

+ Phía Bắc: Giáp huyện Phú Riềng.

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng: 7.634,66ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

a. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Làm cơ sở đầu tư, duy trì và phát triển bền vững, lâu dài các tiêu chí về Nông thôn mới, trong đó có các tiêu chí về hệ thống HTKT và An sinh xã hội.

- Tạo dựng cơ sở pháp lý để UBND xã thực hiện việc quản lý xây dựng đất đai nông thôn mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn xã và huyện.

- Gắn phát triển với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, cải tạo không gian sản xuất, sinh sống cho người dân, đảm bảo an ninh quốc phòng.

b. Tính chất: Định hướng phát triển các cơ sở hạ tầng đảm bảo hướng tới đô thị trong tương lai.

c. Chức năng: Xây dựng xã bao gồm các khu chức năng chính:

- Khu vực các vùng sản xuất nông nghiệp.

- Khu vực sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Khu vực dân cư và nhà ở nông thôn.

- Hệ thống các công trình công cộng.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Khu vực có tiềm năng phát triển du lịch.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

*** Quy mô dân số:**

- + Đến năm 2025: 10.800 người.
- + Đến năm 2030: 11.500 người.

*** Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:**

- Đất dân dụng
- + Đất xây dựng nhà ở gia đình: $> 25 \text{ m}^2/\text{người}$; Hộ gia đình: $400 \text{ m}^2/\text{hộ}$.
- + Đất xây dựng công trình công cộng: $> 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất cây xanh, công viên TDTT $> 2 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Đất GT và HTKT $> 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Hạ tầng kỹ thuật
- + Thông tin và Bưu điện: 01 máy/01 dân.
- + Cấp điện TTCN: 60-160 kW/ha.
- + Cấp nước sinh hoạt 80l – 100l/người/ngày đêm.
- + Cấp nước tiểu thủ công nghiệp $10 \text{ m}^3/\text{ha/ngày đêm}$.
- + Thoát nước bản, VSMT thu gom đạt 80% tỷ lệ nước cấp.
- + Thoát nước TTCN thu gom đạt 100% tỷ lệ nước cấp công nghiệp.
- + Rác thải sinh hoạt 1,0 kg/người/ngày đêm.
- + Rác thải TTCN 0,3 tấn/ha/ngày đêm.
- + Cấp điện sinh hoạt 150 w/người/ngày đêm.
- + Các chỉ tiêu trường học, bãi đỗ xe, thu gom rác thải... căn cứ theo quy định của QCVN 01:2021/BXD.

4. Các khu chức năng chính:

Căn cứ theo các đặc điểm phân bố dân cư, phong tục tập quán của người dân sinh sống trên địa bàn xã, định hướng quy hoạch phân khu xã Thuận Lợi bao gồm các khu chức năng chính sau: Hệ thống trung tâm xã; các điểm dân cư; các khu vực sản xuất nông nghiệp; khu vực phát triển sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp.

5. Định hướng tổ chức không gian:

a. Điều chỉnh quy hoạch định hướng các điểm dân cư tập trung cụ thể:

Trên cơ sở thực trạng phát triển dân cư, nhu cầu sử dụng đất, các nguồn lực, động lực phát triển, các dự báo phát triển dân số, quy mô đất xây dựng toàn xã cũng như vai trò vị trí của xã trong huyện Đồng Phú, định hướng phát triển các điểm dân cư trên địa bàn xã như sau:

- Điểm dân cư số 1:

+ Vị trí: Phát triển dọc theo trục ĐT.741 tại ấp Thuận Thành 1 và ấp Thuận Thành 2.

+ Quy mô diện tích: 302 ha.

- + Dân số: 5800 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư kết hợp thương mại, dịch vụ.
- + Công trình công cộng: Nhà văn hóa ấp, sân vận động ấp; Trường Mầm non, trường Tiểu học; Các công trình thương mại dịch vụ.
- Điểm dân cư số 2 (điểm dân cư trung tâm xã):
- + Vị trí: Ấp Thuận Hòa 1.
- + Quy mô diện tích: 136,5 ha.
- + Dân số: 2.604 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư khu trung tâm hành chính xã.
- + Công trình công cộng: UBND và các ban ngành; Chợ Thuận Lợi, bưu điện, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, công viên; Trường TH&THCS Thuận Lợi, trường Mầm non; Các công trình thương mại dịch vụ.
- Điểm dân cư số 3:
- + Vị trí: Ấp Thuận Bình.
- + Quy mô diện tích: 30,5 ha.
- + Dân số: 580 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư nhà vườn, mật độ thấp.
- + Công trình công cộng: Nhà văn hóa ấp, sân vận động ấp; Trường Mầm non, trường Tiểu học; Các công trình thương mại dịch vụ.
- Điểm dân cư số 4: Điểm dân cư mới hạn chế mở rộng.
- + Vị trí: Ấp Thuận Tiến.
- + Quy mô diện tích: 90,2 ha.
- + Dân số: 1700 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư nhà vườn, mật độ thấp.
- + Công trình công cộng: Trường Mầm non, trường Tiểu học; Các công trình thương mại dịch vụ
- Điểm dân cư số 5:
- + Vị trí: Ấp Thuận Tiến.
- + Quy mô diện tích: 26 ha.
- + Dân số: 500 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư nhà vườn mật độ ở thấp.
- + Công trình công cộng: Nhà văn hóa ấp, sân vận động ấp; trường Mầm non, trường Tiểu học; Các công trình thương mại dịch vụ
- Điểm dân cư số 6:
- + Vị trí: Ấp Thuận Tân.
- + Quy mô diện tích: 28 ha.
- + Dân số: 550 người.
- + Tính chất: Là điểm dân cư nhà vườn mật độ thấp
- + Công trình công cộng: Nhà văn hóa ấp, sân vận động ấp; trường Mầm non, trường Tiểu học; Các công trình thương mại dịch vụ.

BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT:

STT	Loại đất	NTM đã được phê duyệt năm 2013 (định hướng năm 2020)	Hiện trạng 2019	Phương án quy hoạch Giai đoạn 2020-2025	Phương án quy hoạch Giai đoạn 2020-2030	Biến động so với QH NTM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=6-3)
1	Đất nông nghiệp	6608,82	6825,47	5980,97	5725,70	-883,1
1.1	Đất trồng lúa	40,07	9,44	9,44	9,44	-30,6
1.2	Đất trồng cây lâu năm	6452,96	6785,61	5941,11	5685,84	-767,1
1.3	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	0,0
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	0,0
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	0,0
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	9,13	10,61	10,61	10,61	1,5
1.7	Đất nông nghiệp khác	106,66	19,81	19,81	19,81	-86,9
2	Đất xây dựng	860,09	644,49	1488,99	1744,26	884,2
2.1	Đất khu dân cư nông thôn (*)	-	-	650,00	812,67	
a	Đất ở	116,57	67,83	90,00	149,50	32,9
b	Đất thuộc KDC còn lại	-	-	560,00	663,17	
2.2	Đất công cộng	37,86	22,00	38,98	38,98	1,1
2.3	Đất cây xanh, TDTT	5,49	0,00	8,49	8,49	3,0
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,54	12,23	12,23	12,23	11,7
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	8,58	32,72	32,72	382,27	373,7
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	31,00	0,00	0,00	0,00	-31,0
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	14,00	18,40	19,90	19,90	5,9
2,8	Đất hạ tầng kỹ thuật	256,95	61,1443	296,5	39,55	-217,4
2.7.1	Đất giao thông	246,68	53,85	290,1	43,42	-203,3
2.7.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,50	0,00	0,50	0,50	0,0
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,77	6,87	5,90	5,90	-3,9
2.7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,42	0,00	0,42	0,4
2,9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	389,10	430,17	430,17	430,17	41,1
2,10	Đất quốc phòng an ninh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,0
3	Đất khác	182,53	164,70	164,70	164,70	-17,8
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	137,63	119,80	119,80	119,80	-17,8
3.2	Đất cây xanh cách ly	0,00	0,00	0,00	0,00	0,0

3.3	Đất giao thông đối ngoại	44,90	44,90	44,90	44,90	0,0
3.4	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,0
TỔNG		7651,44	7634,66	7634,66	7634,66	-16,8

(*)Đất khu dân cư nông thôn bao gồm diện tích các điểm dân cư tập trung và dân cư phân tán với các loại đất: đất ở, đất nông nghiệp, đất công cộng trong khu dân cư và các loại đất khác.

6. Quy hoạch mạng lưới các công trình kỹ thuật:

a. Về giao thông:

- Giao thông đối ngoại:
- + Cập nhật quy hoạch tuyến đường cao tốc Hồ Chí Minh, lộ giới: 65m.
- + Tuyến đường ĐT.741 đi qua trung tâm xã hiện hữu có lộ giới quy hoạch 60m.
- + Tuyến đường huyện Đồng Tâm – Thuận Lợi hiện hữu, lộ giới: 28m.
- + Cập nhật quy hoạch tuyến đường Thuận Lợi – Phú Riềng, lộ giới 28m.
- + Tuyến đường Thuận Lợi – Thuận Phú hiện hữu, lộ giới 28m.
- Các thông số kỹ thuật như sau: Đường trục xã, liên xã: Chiều rộng phần xe chạy là 7m, chiều rộng lề 3,0m x 2 (tổng lộ giới 26-32m).
- Giao thông nội bộ: Hình thành các tuyến đường ngang nối từ đường trung tâm với đường bao khu vực nghiên cứu tạo thành mạng lưới dạng ô bàn cờ, đảm bảo giao thông đi lại và thuận lợi cho công tác quy hoạch sử dụng đất của các điểm dân cư tập trung và khu trung tâm xã. Các tuyến đường ngang được thiết kế với bề rộng lộ giới từ 13-25m.

b. Về cấp điện:

- Nguồn cung cấp điện: Bố trí các trạm biến áp từ nguồn dự kiến lấy từ các trạm 110kV đi qua địa bàn xã Thuận Lợi.
- Ngầm hóa các tuyến phân phối, chiếu sáng tại khu vực tập trung dân cư.

c. Về cấp nước:

- Nguồn cấp: Nguồn lấy nước mặt từ hồ Đồng Xoài thông qua Nhà máy xử lý nước của xã Thuận Phú, đối với các khu dân cư hiện hữu tại các điểm dân cư tập trung của các ấp sử dụng nguồn nước ngầm.
- Đường ống cấp nước trong khu trung tâm xã là đường ống cấp nước kết hợp: Cấp nước sinh hoạt và chữa cháy chạy theo các trục đường. Các tuyến ống dẫn chính được thiết kế thành mạng vòng, đặt bên dưới vỉa hè.
- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt đến từng công trình đơn vị được thiết kế dưới dạng mạng cụt.

d. Về thoát nước mưa, nước thải và nghĩa trang:

- Thoát nước mặt: Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống, mương chạy dọc theo các tuyến đường giao thông chảy vào các suối hiện hữu.

- Thoát nước thải: Đối với Khu vực trung tâm: Hệ thống thoát nước thải thiết kế riêng biệt độc lập với hệ thống thoát nước mặt. Nước thải được thu gom về hồ sinh học, xử lý bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

- Tại các điểm dân cư hiện hữu: Nước thải từ các nhóm nhà ở và công trình công cộng được xử lý qua bể tự hoại đạt tiêu chuẩn 05 ngăn trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung hoặc thẩm thấu ra môi trường.

- Nghĩa trang: Tiếp tục sử dụng khu nghĩa trang Thuận Bình.

e. Về chất thải rắn:

- Tại các khu vực công trình công cộng bố trí thùng đựng rác thải, khu vực dân cư tự thu gom rác sinh hoạt và đổ ra xe thu gom vào các ngày thu gom định kỳ trong tuần. Chất thải rắn được phân thành 2 loại: Chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ. Chất thải vô cơ đưa về bãi chôn lấp theo quy hoạch; chất thải hữu cơ đưa về Nhà máy xử lý rác Đồng Xoài để xử lý.

7. Danh mục các dự án ưu tiên:

a. Dự án đầu tư công trình hạ tầng xã hội giai đoạn 2021-2025:

- Xây dựng 19 phòng học, 01 phòng Anh Văn và 01 phòng Tin học Trường TH và THCS Thuận Lợi, xã Thuận Lợi (thay thế 15P đã hết niên hạn sử dụng), quy mô: 2.000 m².

- Xây dựng cổng, hàng rào Nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thuận Lợi, quy mô: 1.940 m².

- Bãi tập kết rác trung chuyển, quy mô: 5.000m².

b. Dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ĐT 741 đi hồ Đồng Xoài ấp Thuận Hòa 2 xã Thuận Lợi, quy mô: 2,60 km.

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ nhà ông Ninh đến đường DH Đồng Tâm - Thuận Lợi, ấp Thuận Tân xã Thuận Lợi, quy mô: 1,2km.

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ngã tư Bảy Thạnh đi khu ĐCĐC ấp Thuận Tiến xã Thuận Lợi, quy mô: 1,2km.

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT quanh bầu Năm Em, ấp Thuận Thành 1, xã Thuận Lợi, quy mô: 2,5km.

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ĐT 741 ấp Thuận Thành 1 đi ấp Thuận An xã Thuận Lợi, quy mô: 1km.

- Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ cầu tổ 5 đến nhà ông Lê Tất Quế ấp Thuận An xã Thuận Lợi, quy mô: 2,50km.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

a. Dự báo các nguồn tác động:

- Quá trình thực hiện đồ án sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, gia tăng tiếng ồn do: Gia tăng lượng nước thải và chất thải rắn từ

sinh hoạt của người dân, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, du lịch, giao thông, xây dựng ... gây ra; ảnh hưởng đến đời sống, chất lượng sống và tâm lý người dân do: Việc giải phóng mặt bằng, du nhập văn hóa, tệ nạn xã hội từ hoạt động du lịch.

b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường:

- Phân vùng bảo vệ môi trường để gìn giữ các giá trị tự nhiên, đa dạng sinh học và kiểm soát quá trình phát triển không gian của xã.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, thu gom chất thải rắn theo quy hoạch; tạo hành lang bảo vệ hệ thống sông suối, mặt nước; khôi phục hệ thống kênh mương và ao, hồ; hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm tại các khu dân cư; khôi phục, bổ sung diện tích rừng, cây xanh cảnh quan khu trung tâm xã, điểm dân cư.

- Xây dựng công trình hài hòa cảnh quan chung của xã; hạn chế san gạt theo nguyên tắc tôn trọng địa hình, cân bằng đào đắp.

- Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Thời gian công bố quy hoạch: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch được ban hành.

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (*Quy định quản lý kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- + Hướng dẫn, quản lý và giám sát việc thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

- + Tham mưu UBND huyện thực hiện tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Thời gian lập và phê duyệt hồ sơ mốc giới không quá 30 ngày, kể từ ngày đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt. Việc cắm mốc giới ngoài thực địa phải được hoàn thành trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hồ sơ mốc giới được phê duyệt. Tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng sau khi đã có nhà đầu tư được lựa chọn.

- + Công bố quy hoạch: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch được ban hành.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: Cập nhật bản đồ quy hoạch làm căn cứ để quản lý hoạt động sử dụng đất theo đúng quy định.

- UBND xã Thuận Lợi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn tham mưu UBND huyện:

- + Tổ chức quản lý các hoạt động xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- + Triển khai thực hiện lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn.
- + Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức phân công thực hiện.
- + Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân kỳ đầu tư xây dựng.
- + Rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã phù hợp với định hướng phát triển Kinh tế - xã hội của xã, huyện và tỉnh.

*(Kèm theo hồ sơ điều chỉnh quy hoạch và
quy định quản lý quy hoạch có liên quan)*

Điều 4: Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc: Kho bạc Nhà nước huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT;
- Như Điều 4;
- LDVP, CVKT;
- Lưu: VT.



11.T.BÌNH